

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH GIA LAI
ĐỘI KIỂM LÂM CƠ ĐỘNG VÀ PHÒNG
CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG SỐ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐKLCD1, ngày tháng 02 năm 2026
của Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 1)

TT	Số hiệu/ nhân đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh, tầm, lóng)	Khối lượng/trọng lượng (m ³ hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính hoặc Chiều dày (cm)			
01		Cắm xe			TT	1,2	17	17	01	0,034	
02		Cắm xe			TT	1,2	16	16	01	0,030	
03		Cắm xe			TT	1,2	12	11	02	0,030	
04		Cắm xe			TT	1,2	13	13	01	0,020	
05		Cắm xe			TT	1,2	12	12	07	0,019	
06		Ké			TT	2,8		39	01	0,334	
07		Ké			TT	3,7		36	01	0,376	
08		Ké			TT	2,9		51	01	0,592	
09		Ké			TT	2,4		29	01	0,158	
10		Huỳnh			TT	2,0	29	21	01	0,121	
11		Huỳnh			TT	2,0	26	22	01	0,114	
12		Huỳnh			TT	1,8	25	18	01	0,081	
13		Huỳnh			TT	1,8	28	17	01	0,085	
14		Lim xẹt			TT	1,67		42	01	0,231	
15		Lim xẹt			TT	1,75		40	01	0,219	
16		Lim xẹt			TT	1,63		37	01	0,175	
17		Lim xẹt			TT	1,66		36	01	0,168	
18		Lim xẹt			TT	1,06		36	01	0,107	
19		Bình linh			TT	1,6	18	12	01	0,034	
20		Bình linh			TT	1,5	19	13	01	0,037	
21		Bình linh			TT	1,3	20	13	01	0,033	
22		Bình linh			TT	1,3	20	13	01	0,033	
23		Bình linh			TT	1,3	20	13	01	0,033	

24		Bình linh			TT	1,4	25	12	01	0,042	
25		Bình linh			TT	1,2	20	18	01	0,043	
26		Lim xẹt			TT	1,0		19	01	0,028	
27		Lim xẹt			TT	1,0		14	01	0,015	
28		Lim xẹt			TT	1,6		13	01	0,021	
29		Lim xẹt			TT	1,4		13	01	0,018	
30		Lim xẹt			TT	1,0		16	01	0,020	
31		Lim xẹt			TT	1,3		14	01	0,020	
32		Lim xẹt			TT	1,3		12	01	0,014	
33		Lim xẹt			TT	1,9		16	01	0,038	
34		Lim xẹt			TT	1,8		12	01	0,020	
35		Lim xẹt			TT	1,9		12	01	0,021	
36		Lim xẹt			TT	1,8		11	01	0,017	
37		Lim xẹt			TT	1,3		13	01	0,017	
38		Lim xẹt			TT	1,6		13	01	0,021	
39		Lim xẹt			TT	1,9		11	01	0,018	
40		Lim xẹt			TT	1,2		15	01	0,021	
41		Bình linh			TT	1,4	23	23	01	0,074	
42		Bình linh			TT	1,6	10	10	01	0,016	
43		Bình linh			TT	1,6	10	10	01	0,016	
44		Trâm			TT	2,0	20	16	01	0,064	
45		Cắm xe			TT	2,5	35	34	01	0,297	
46		Cắm xe			TT	2,2	25	24	01	0,132	
47		Cắm xe			TT	2,6	34	33	01	0,291	
48		Cắm xe			TT	2,6	36	36	01	0,336	
49		Cắm xe			TT	2,2	25	24	01	0,132	
50		Cắm xe			TT	2,2	30	30	01	0,198	
51		Cắm xe			TT	2,2	26	26	01	0,148	
52		Cắm xe			TT	2,2	29	26	01	0,165	
53		Cắm xe			TT	2,6	30	28	01	0,218	
54		Cắm xe			TT	2,2	24	24	01	0,126	
55		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
56		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
57		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
58		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
59		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
60		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
61		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	

62		Lim xẹt			TT	0,64		30	01	0,045	
63		Lim xẹt			TT	0,62		30	01	0,043	
64		Sâng mây			TT	2,06	24	16	01	0,079	
65		Sâng mây			TT	2,09	25	15	01	0,078	
66		Sâng mây			TT	2,04	25	19	01	0,096	
67		Sâng mây			TT	2,04	24	16	01	0,078	
68		Sâng mây			TT	2,03	25	19	01	0,096	
69		Sâng mây			TT	2,08	25	17	01	0,088	
70		Sâng mây			TT	2,03	21	13	01	0,055	
71		Sâng mây			TT	2,0	21	11	01	0,046	
72		Sâng mây			TT	2,0	18	12	01	0,043	
73		Sâng mây			TT	2,0	25	20	01	0,100	
74		Sâng mây			TT	2,06	25	15	01	0,077	
75		Sâng mây			TT	2,05	25	18	01	0,092	
76		Sâng mây			TT	2,02	24	18	01	0,087	
77		Sâng mây			TT	2,06	30	21	01	0,129	
78		Sâng mây			TT	2,04	22	20	01	0,089	
49		Sâng mây			TT	2,06	26	19	01	0,101	
80		Sâng mây			TT	2,04	25	19	01	0,096	
81		Sâng mây			TT	2,02	21	16	01	0,067	
82		Chò xót			TT	2,3	41	17	01	0,160	
83		Chò xót			TT	2,5	29	23	01	0,166	
84		Chò xót			TT	2,26	43	15	01	0,145	
85		Chò xót			TT	2,53	43	11	01	0,119	
86		Chò xót			TT	2,2	30	19	01	0,125	
87		Chò xót			TT	2,0	32	21	01	0,134	
88		Chò xót			TT	2,5	22	10	01	0,055	
89		Chò xót			TT	2,54	33	11	01	0,092	
90		Chò xót			TT	2,47	21	10	01	0,051	
91		Chò xót			TT	2,5	32	11	01	0,088	
92		Chò xót			TT	2,5	32	11	01	0,088	
93		Chò xót			TT	2,5	32	11	01	0,088	
94		Chò xót			TT	2,5	32	21	01	0,168	
95		Chò xót			TT	2,5	22	11	01	0,060	
96		Chò xót			TT	2,4	21	10	01	0,050	
97		Chò xót			TT	2,5	40	16	01	0,160	
98		Chò xót			TT	2,5	42	13	01	0,136	
99		Chò xót			TT	2,25	35	12	01	0,094	

100		Chò xót			TT	2,55	24	23	01	0,140	
101		Chò xót			TT	2,4	24	23	01	0,132	
102		Chò xót			TT	2,5	23	22	01	0,126	
103		Chò xót			TT	2,4	24	15	01	0,086	
104		Chò xót			TT	2,5	23	22	01	0,126	
105		Chò xót			TT	2,5	23	23	01	0,132	
106		Chò xót			TT	2,4	25	13	01	0,078	
107		Chò xót			TT	2,56	24	24	01	0,147	
108		Chò xót			TT	2,5	23	23	01	0,132	
109		Chò xót			TT	2,54	35	13	01	0,115	
110		Chò xót			TT	2,5	28	15	01	0,105	
111		Chò xót			TT	2,5	23	22	01	0,126	
112		Chò xót			TT	2,4	24	23	01	0,132	
113		Chò xót			TT	2,5	25	23	01	0,143	
114		Chò xót			TT	2,5	26	23	01	0,149	
115		Chò xót			TT	2,6	27	23	01	0,161	
116		Chò xót			TT	2,5	23	23	01	0,132	
117		Chò xót			TT	2,5	22	22	01	0,121	
118		Chò xót			TT	2,6	24	24	01	0,149	
119		Chò xót			TT	2,6	24	23	01	0,143	
120		Chò xót			TT	2,57	23	23	01	0,135	
121		Chò xót			TT	2,5	25	24	01	0,150	
122		Chò xót			TT	2,5	30	20	01	0,150	
123		Chò xót			TT	2,6	25	23	01	0,149	
124		Chò xót			TT	2,6	24	23	01	0,143	
125		Chò xót			TT	2,6	26	23	01	0,155	
126		Chò xót			TT	2,6	25	24	01	0,156	
127		Chò xót			TT	2,0	42	12	01	0,100	
128		Huỳnh			TT	2,2	40	15	01	0,132	
129		Huỳnh			TT	2,0	40	17	01	0,136	
130		Huỳnh			TT	2,2	35	18	01	0,138	
131		Chò xót			TT	2,4	36	16	01	0,138	
132		Chò xót			TT	2,2	42	14	01	0,129	
133		Chò xót			TT	2,4	35	14	01	0,117	
134		Chò xót			TT	2,4	37	16	01	0,142	
135		Chò xót			TT	2,3	32	23	01	0,169	
136		Chò xót			TT	2,3	40	13	01	0,119	
137		Chò xót			TT	2,4	30	15	01	0,108	

138		Chò xót			TT	2,1	34	16	01	0,114	
139		Chò xót			TT	2,4	30	15	01	0,108	
140		Huỳnh			TT	2,4	26	18	01	0,112	
141		Huỳnh			TT	2,0	34	19	01	0,129	
142		Huỳnh			TT	2,6	29	15	01	0,113	
143		Chò xót			TT	2,2	35	15	01	0,115	
144		Chò xót			TT	2,4	32	13	01	0,099	
145		Chò xót			TT	2,3	41	15	01	0,141	
146		Chò xót			TT	2,4	32	18	01	0,138	
147		Chò xót			TT	2,6	50	14	01	0,182	
148		Bằng lăng tía			TT	2,2	17	15	01	0,056	
149		Bằng lăng tía			TT	2,2	24	14	01	0,073	
150		Bằng lăng tía			TT	2,2	16	12	01	0,042	
151		Bằng lăng tía			TT	2,2	16	14	01	0,049	
152		Bằng lăng tía			TT	2,2	15	15	01	0,049	
153		Bằng lăng tía			TT	2,2	17	12	01	0,044	
154		Bằng lăng tía			TT	2,2	16	12	01	0,042	
155		Bằng lăng tía			TT	2,2	20	15	01	0,066	
156		Bằng lăng tía			TT	2,0	19	14	01	0,053	
157		Bằng lăng tía			TT	2,2	15	12	01	0,039	
158		Sầu			TT	2,2	41	1,5	07	0,091	
159		Sầu			TT	2,2	42	1,5	06	0,078	
160		Sầu			TT	2,2	43	1,5	03	0,042	
161		Sầu			TT	2,0	26	1,5	02	0,014	
162		Sầu			TT	2,0	12	2,5	05	0,030	
163		Sầu			TT	2,0	12	12	01	0,028	
164		Sầu			TT	2,2	42	03	02	0,054	
165		Sầu			TT	2,2	41	03	02	0,054	
166		Sầu			TT	2,2	44	03	01	0,029	
167		Sầu			TT	2,2	38	03	01	0,025	
168		Sầu			TT	2,0	47	1,5	08	0,112	
169		Sầu			TT	2,0	41	1,5	02	0,024	
170		Sầu			TT	2,2	43	1,5	03	0,042	
171		Sầu			TT	2,0	36	1,5	05	0,050	
172		Sầu			TT	2,0	20	03	07	0,084	
173		Sầu			TT	2,0	20	1,5	02	0,012	
174		Săng trắng			TT	2,0	33	14	01	0,092	
175		Săng trắng			TT	2,0	25	23	01	0,115	

176		Săng trắng			TT	2,0	35	14	01	0,098	
177		Xoan mộc			TT	1,4	22	15	01	0,046	
178		Xoan mộc			TT	1,6	24	20	01	0,076	
179		Xoan mộc			TT	1,6	24	19	01	0,072	
180		Xoan mộc			TT	1,6	20	19	01	0,060	
Tổng									228	17,783	